PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 3

Các số có bốn chữ số. So sánh các số · sách Kết nối tri thức

Tuần 19

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Nối cách đọc với số

1. Bốn nghìn hai trăm linh bốn	a. 4 204
2. Ba nghìn hai trăm linh hai	b. 3 800
3. Năm nghìn hai trăm linh bốn	c. 3 202
4. Ba nghìn tám trăm	d. 5 204

Bài 2: Viết số thành tổng (theo mẫu)

5 723 = 5 000 + ☐ + 20 + 3

8 974 = 8 000 + 900 + ☐ + 4

2 151 = 2 000 + ☐ + 50 + 1

4 763 = 4 000 + 700 + 60 + ☐

5 825 = 5 000 + 800 + ☐ + 5

2 448 = 2 000 + 400 + ☐ + 8

Bài 3: Điền dấu >, <, =

1 414 ☐ 1 144 3 132 ☐ 3 123 9 434 ☐ 8 434 7 943 ☐ 7 843

8 909 ☐ 8 990 8 827 ☐ 8 287 7 306 ☐ 7 306 4 076 ☐ 4 067

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống

1 168	1 169		1 171	1 172		1 174	1 175
4 000		4 200	4 300		4 500		4 700
2 000	3 000	4 000		6 000		8 000	

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số bé nhất trong các số 6 520; 6 250; 6 502; 5 205 là:

(A) 6 520 (B) 6 250 (C) 6 502 (D) 5 205

onthi.app Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 19

Bài 1: Nối cách đọc với số

1 – a 2 – c 3 – d 4 – b

Bài 2: Viết số thành tổng (theo mẫu)

5 723 = 5 000 + 700 + 20 + 3 8 974 = 8 000 + 900 + 70 + 4 2 151 = 2 000 + 100 + 50 + 1

4 763 = 4 000 + 700 + 60 + 3 5 825 = 5 000 + 800 + 20 + 5 2 448 = 2 000 + 400 + 40 + 8

Bài 3: Điền dấu >, <, =

1 414 > 1 144 3 132 > 3 123 9 434 > 8 434 7 943 > 7 843 8 909 < 8 990 8 827 > 8 287

7 306 = 7 306 4 076 > 4 067

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống

1 168 1 169 1 170 1 171 1 172 1 173 1 174 1 175

4 000 4 100 4 200 4 300 4 400 4 500 4 600 4 700

2 000 3 000 4 000 5 000 6 000 7 000 8 000 9 000

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. D (5 205)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án